

Phụ lục I

Kết quả đánh giá cấp độ dịch tại thị xã An Nhơn (Cập nhật đến ngày 05/12/2021)

	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4
Phạm vi thị xã			x	
Phạm vi xã, phường	3	8	4	0

Thị xã An Nhơn	Xã, phường	Cấp 3
1	Nhơn Tân	Cấp 1
2	Nhơn Lộc	Cấp 2
3	Nhơn Thọ	Cấp 1
4	Nhơn Hòa	Cấp 2
5	Nhơn Phúc	Cấp 2
6	Nhơn Khánh	Cấp 1
7	Bình Định	Cấp 2
8	Nhơn Hưng	Cấp 3
9	Nhơn An	Cấp 2
10	Nhơn Phong	Cấp 2
11	Nhơn Hạnh	Cấp 2
12	Nhơn Hậu	Cấp 3
13	Nhơn Mỹ	Cấp 2
14	Đập Đá	Cấp 3
15	Nhơn Thành	Cấp 3

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN

Số: /BC-UBND

CỘNG HÒA HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
BẢNG ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH THEO HƯỚNG DẪN TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 4800/QĐ-BYT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 128/NQ-CP TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN
(Thông kê theo tuần (tuần 48) từ ngày 29/11 đến ngày 05/12/2021)

STT	Địa phương (xã, phường, thị trấn)	Dân số				Tiêu chí 1				Tiêu chí 2							Đánh giá tỷ lệ ≥ 50 tuổi tiêm đủ liều	Đánh giá tỷ lệ ≥ 65 tuổi tiêm đủ liều	Đánh giá cấp độ dịch theo tiêu chí 1, 2	Điều chỉnh cấp độ dịch theo tỷ lệ ≥ 50 tuổi tiêm đủ liều (Yêu cầu từ tháng 11)	Điều chỉnh cấp độ dịch theo tỷ lệ ≥ 65 tuổi tiêm đủ liều (Yêu cầu trong tháng 10)
		Tổng dân số	Dân số ≥ 18 tuổi	Dân số ≥ 50 tuổi	Dân số ≥ 65 tuổi	F0 trong cộng đồng tuần trước (từ 22/11 - 28/11)	F0 trong cộng đồng tuần này (từ 29/11 - 05/12)	Mắc mới/100.000 dân/tuần	Đánh giá tiêu chí 1	Số ≥ 18 tuổi tiêm ít nhất 1 liều vắc xin	Số ≥ 50 tuổi tiêm đủ liều	Số ≥ 65 tuổi tiêm đủ liều	Tỷ lệ ≥ 18 tuổi tiêm ít nhất 1 liều vắc xin	Tỷ lệ ≥ 50 tuổi tiêm đủ liều	Tỷ lệ ≥ 65 tuổi tiêm đủ liều	Đánh giá tiêu chí 2					
	(1)	(2)*	(3)*	(4)*	(5)*	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)*	(11)*	(12)*	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	Thị xã An Nhơn	166,920	128,266	50,695	20,674	75	134	62.6	Mức 3	129,902	34,803	11,151	101.3	68.7	53.9	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 2		Cấp 3
1	Nhơn Tân	8,382	6,823	2,303	771	7		41.8	Mức 2	6,446	1,013	766	94.5	44.0	99.4	Mức 1	Không đạt	Đạt	Cấp 1		Cấp 1
2	Nhơn Lộc	9,007	6,823	2,608	1,067	1		5.6	Mức 1	6,597	950	493	96.7	36.4	46.2	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 1		Cấp 2
3	Nhơn Thọ	8,754	6,887	2,848	1,070			0.0	Mức 1	6,885	2,456	1,057	100.0	86.2	98.8	Mức 1	Đạt	Đạt	Cấp 1		Cấp 1
4	Nhơn Hòa	17,686	14,247	5,534	2,359	2	11	36.8	Mức 2	13,927	3,683	219	97.8	66.6	9.3	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 1		Cấp 2
5	Nhơn Phúc	9,466	7,492	3,535	1,578		1	5.3	Mức 1	7,999	762	606	106.8	21.6	38.4	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 1		Cấp 2
6	Nhơn Khánh	7,018	5,411	1,719	1,017	2	2	28.5	Mức 2	6,037	1,799	932	111.6	104.7	91.6	Mức 1	Đạt	Đạt	Cấp 1		Cấp 1
7	Bình Định	17,163	13,476	5,895	2,184	12	33	131.1	Mức 3	17,435	10,389	2,482	129.4	176.2	113.6	Mức 1	Đạt	Đạt	Cấp 2		Cấp 2
8	Nhơn Hưng	10,846	8,152	3,465	1,215	9	23	147.5	Mức 3	7,826	2,753	705	96.0	79.5	58.0	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 2		Cấp 3
9	Nhơn An	8,545	6,613	1,988	873	5	5	58.5	Mức 3	6,613	1,201	702	100.0	60.4	80.4	Mức 1	Không đạt	Đạt	Cấp 2		Cấp 2
10	Nhơn Phong	8,372	6,574	2,815	1,160	4	3	41.8	Mức 2	6,667	1,257	348	101.4	44.7	30.0	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 1		Cấp 2
11	Nhơn Hạnh	9,323	7,037	2,797	1,104		4	21.5	Mức 2	6,654	1,115	641	94.6	39.9	58.1	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 1		Cấp 2
12	Nhơn Hậu	13,510	10,357	4,457	1,762	23	6	107.3	Mức 3	9,929	2,641	666	95.9	59.3	37.8	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 2		Cấp 3
13	Nhơn Mỹ	11,201	8,875	3,974	1,725	1	1	8.9	Mức 1	8,019	1,188	651	90.4	29.9	37.7	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 1		Cấp 2
14	Đập Đá	14,801	10,799	3,063	1,444	9	23	108.1	Mức 3	10,621	1,925	103	98.4	62.8	7.1	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 2		Cấp 3
15	Nhơn Thành	12,846	8,700	3,694	1,345		22	85.6	Mức 3	8,247	1,671	780	94.8	45.2	58.0	Mức 1	Không đạt	Không đạt	Cấp 2		Cấp 3

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Y tế tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Y tế thị xã;
- Trung tâm Y tế thị xã;
- CPVP thị xã;
- Lưu VT.

An Nhơn, ngày 05 tháng 12 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Tiến

Hướng dẫn cung cấp số liệu

1. Số liệu tuần được tính từ Thứ Hai đến Chủ Nhật
2. Điền số liệu vào các cột đánh dấu (*)
3. Các cột còn lại đã được đặt công thức, đề nghị không chỉnh sửa